TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 6 – 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Ngọc Ngươl
Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hằng Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022. Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Rô B, sinh năm 1973 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm HT, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau
- *Bị đơn:* Bà Trần Hằng M, sinh năm 1980 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm HT, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 – 01– 2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Rô B trình bày:*

Về hôn nhân*:* Ông và bà Trần Hằng M kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì giữa ông và bà M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống

không hợp nhau. Mặc dù ông và bà M được gia đình hai bên hàn gắn tạo điều kiện để chung sống với nhau nhưng hôn nhân giữa ông và bà M không thể tiếp tục. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Hằng M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông và bà M có 02 người con chung gồm: Đỗ Cảnh Th, sinh ngày 08/10/2004 và Đỗ Kiều Th, sinh ngày 19/4/2007, hiện các con đang sống với ông B. Sau khi ly hôn ông B yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Trần Hằng M, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập bà M để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà M vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đỗ Rô B được ly hôn với bà Trần Hằng M; Ông B được tiếp tục nuôi 02 con Đỗ Cảnh Th, sinh ngày 08/10/2004 và Đỗ Kiều Th, sinh ngày 19/4/2007. Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Án phí ông B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đỗ Rô B và bà Trần Hằng M là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Hằng M có địa chỉ tại khóm HT, thị trấn CN, huyện CN nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập bà M hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà M vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái

Nước xét xử vắng mặt đối với bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông B và bà M kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Nước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 22/12/2005. Do đó, hôn nhân của ông B và bà M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của ông B và bà M thực sự có xảy ra trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn được, ông B và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Bà M không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của ông B, cho thấy bà M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa ông B và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Đối với con chung là Đỗ Cảnh Th, sinh ngày 08/10/2004 và Đỗ Kiều Th, sinh ngày 19/4/2007 tính đến ngày xét xử sơ thẩm đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Hội đồng xét xử nhận thấy, ông B và bà M không thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án ông B yêu cầu được nuôi các con. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đối với cháu Th và cháu Th thì hai cháu trình bày nguyện vọng muốn được sống với cha là ông Đỗ Rô B. Đây là ý chí tự nguyện của hai cháu và từ khi ly thân cho đến nay cháu Th và cháu Th do ông B trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về đời sống, ông B có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Bà M được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của ông B nhưng bà M không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông B, giao con chung tên Đỗ Cảnh Th và Đỗ Kiều Th cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B xác định, ông B và bà M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với bà M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bà M không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông B phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đỗ Rô B được ly hôn với bà Trần Hằng M.

Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Cảnh Th, sinh ngày 08/10/2004 và Đỗ Kiều Th, sinh ngày 19/4/2007 cho ông Đỗ Rô B tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Trần Hằng M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Rô B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007776 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước ông B đã nộp đủ. Bà Trần Hằng M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Đỗ Rô B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Hằng M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ